**TIẾT 19,20: BÀI 9. GIỚI THIỆU VỀ CHĂN NUÔI**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**: Sau bài học này, HS sẽ:

- Trình bày được vai trò, triển vọng của chăn nuôi.

- Nhận biết được một số vật nuôi phổ biến và các loại vật nuôi đặc trưng của một sổ vùng miên ờ nước ta.

- Nêu được một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam.

- Trình bày được đàc điểm cơ bản của một sổ ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi.

- Nhận thúc được sở thích, sự phù hợp cùa bản thân về các ngành nghề trong chăn nuôi.

- Có ý thức bào vệ môi trường chăn nuôi.

**2. Phẩm chất**

- Có ý thức tìm hiểu về đất trồng và kĩ thuật làm đất trồng cây.

- Có trách nhiệm, chủ động nhận, thực hiện nhiệm vụ

- Trung thực, cẩn thận ghi chép, có trách nhiệm

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên**

- SGK, SGV, SBT.

- Tranh ảnh, video liên quan đến bài học.

**2. Học sinh**: SGK, SBT, dụng cụ học tập

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu** (Xác định vấn đề học tập)

**a) Mục tiêu:**Tạo tâm thế cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b) Nội dung:**GV trình bày vấn đề, quan sát hình ảnh, HS trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm học tập:**Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh/SGK và trả lời câu hỏi: Chăn nuôi có vai trò như thế nào đối với con người và nẻn kinh tể? ở nước ta, có những vật nuôi phố biển nào, vật nuôi nào đặc trưng cho vùng miền và được nuôi theo những phương thức nào?  **\*Thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:  - Cung cấp thực phẩm - Cung cấp phân bón hữu cơ trong trồng trọt. - Cung cấp nguồn nguyên liệu cho xuất khẩu và chế biến. - Cung cấp sức kéo. - Làm cảnh, canh giữ nhà.  **\*Báo cáo kết quả và thảo luận**  GV gọi ngẫu nhiên 1 học sinh trả lời, các em khác bổ sung (nếu có)  **\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá:  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, giới thiệu bài:  **Bài 9. Giới thiệu về chăn nuôi**  ->Giáo viên nêu mục tiêu bài học: | **Bài 9. Giới thiệu về chăn nuôi** |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a) Mục tiêu**

- Trình bày được vai trò, triển vọng của chăn nuôi.

- Nhận biết được một số vật nuôi phổ biến và các loại vật nuôi đặc trưng của một sổ vùng miên ờ nước ta.

- Nêu được một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam.

- Trình bày được đàc điểm cơ bản của một sổ ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi.

- Nhận thúc được sở thích, sự phù hợp cùa bản thân về các ngành nghề trong chăn nuôi.

- Có ý thức bào vệ môi trường chăn nuôi.

**b) Nội dung:**

- Học sinh làm việc nhóm cặp đôi nghiên cứu thông tin trong SGK, quan sát, thảo luận nhóm và trả lời các câu hỏi sau:

H1. Quan sát Hình 9.1 và nêu một sổ vai trò cùa chăn nuôi.

H2. Quan sát Hỉnh 9.2 và cho biết những vật nuôi nào là gia súc, vật nuôi nào là gia cẩm. Mục đích nuôi từng loại vật nuôi đó là gì?

H3. Trong các loại vật nuôi ở Hình 9 3. em có ấn tương với loại vật nuôi nào nhất? Vì sao?

H4. Kể tên một loại vật nuôi đặc trưng vùng miến mà em biết và mô tả đặc điểm cùa loại vật nuôi đó.

- HS hoạt động nhóm thảo luận, ghi kết quả vào bảng nhóm:

**c) Sản phẩm học tập:**Câu trả lời của HS.

**d)** **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 2.1:** **Vai trò, triến vọng của chăn nuôi.** | |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS quan sát  quan sát Hình 9.1 và nêu một sổ vai trò cùa chăn nuôi.  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi:  **\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc SGK và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có).  **\*Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá.  - GV nhận xét và chốt nội dung kiến thức | **I. Vai trò, triển vọng của chăn nuôi.**  + Chán nuôi lả ngành sàn xuất có vai trò rất quan trọng đồi với đời sống con người và nên kinh tế. Chăn nuôi cung cấp nguồn thực phẩm cho con người sử dụng hằng ngày, cung cấp nguồn nguyên liệu cho xuất khẩu và chế biến, cung cấp nguồn phân bón hữu cơ quan trọng cho trồng trọt,...  + Hiện nay, chán nuôi đang hướng tời phát triển chan nuôi công nghệ cao, chân nuôi bền vững đẻ cung cấp ngây càng nhiều thực phầm sạch hơn, an toàn hơn cho nhu cẩu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, đồng thời bào vệ môi trường tốt hơn. |
| **Hoạt động 2.2. Vật nuôi** | |
| **\* GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - NV 1. GV hướng dẫn HS quan sát Hình hình 9.2, thảo luận nhóm 2 trả lời câu hỏi: Cho biết những vật nuôi nào là gia súc, vật nuôi nào là gia cẩm. Mục đích nuôi từng loại vật nuôi đó là gì?  - NV 2. Trong các loại vật nuôi ở Hình 9 3. em có ấn tương với loại vật nuôi nào nhất? Vì sao?  - NV 3. Kể tên một loại vật nuôi đặc trưng vùng miến mà em biết và mô tả đặc điểm cùa loại vật nuôi đó.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc SGK, quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có).  **\* Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá.  - GV nhận xét và chốt nội dung kiến thức | **I. Vật nuôi**  1. Một số vật nuôi phổ biến ở nước ta  Vật nuôi phổ biến là các con vật được nuôi ở hầu kháp các vùng miền của nước ta. Chúng được chia thành hai nhóm chinh lã gia súc và gia cằm  2. Vặt nuôi đặc trưng vùng miền  Vật nuôi đặc trưng vùng miền là các giống vật nuôi được hình thành và chăn nuôi nhiều ờ một sồ địa phương; chúng thường có những đặc tính riêng biệt, nổi trội về chất lượng sàn phẩm |
| **Hoạt động 2.3. Một số phương thức chăn nuôi phố biến ở Việt Nam** | |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia HS thành các nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận:  - NV 1. Đọc nội dung mục III kết họp vói quan sát Hình 9.4, nêu đặc díểm cùa từng phương thức chăn nuôi.  - NV 2. Tìm hiểu thém ỵể phương thức chăn nuôi nông hộ và phương thức chăn nuôi trang trại. Cho biết ưu điểm, hạn chế, khà năng phát then trong tương lai của từng phương thức.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc SGK, quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có).  **\* Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá.  - GV nhận xét và chốt nội dung kiến thức | **III. Một số phương thức chăn nuôi phố biến ở Việt Nam**  Hiện nay, ờ nước ta có hai phương thức chăn nuôi phổ biền: chăn nuôi nông hộ và chãn nuôi trang trại  1. Chăn nuôi nông hộ  Chán nuôi nông hộ là phương thức chan nuôi khả phồ biến ở Việt Nam, người dãn chán nuôi tại hộ gia đinh, vởi số lượng vật nuôi it. Phương thửc chán nuôi nãy cò chi phi đầu tư chuồng trại thấp, tuy nhiên năng suất chan nuôi không cao, biện pháp xử lí chất thài chưa tốt nên nguy cơ dịch bệnh cao, ảnh hưởng đến sức khoẻ vật nuôi, con người và môi trường.  2. Chăn nuôi trang trại  Chăn nuôi trang trại là phương thức chăn nuôi tập trung tại khu vực riêng biệt xa khu vực dân cư. với số lượng vật nuôi lớn. Phương thức chăn nuôi này có sự đầu tư lởn về chuồng trại, thức an, vệ sinh phòng bệnh,... nên chan nuôi có nang suất cao, vật nuôi it bị dịch bệnh; có biện pháp xừ li chất thải tốt nên ít ành hưởng tởi mói trưởng vã sức khoẻ con người. |
| **Hoạt động 2.4. Một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi** | |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia HS thành các nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận:  + Đọc mục 1, mục 2 dưới đây và cho biết tương lai nghề đó. em thích hay càm thấy phù họp với nghề nào hơn. Tại sao?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc SGK, quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có).  **\* Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá.  - GV nhận xét và chốt nội dung kiến thức | **IV. Một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi**  1.Bác sĩ thú y  Bảc Sĩ thú y lả nhũ ng người làm nhiệm vụ phòng bệnh, khảm và chữa bệnh cho vật nuôi, từ đó góp phần bào vệ sức khoẻ cộng đồng; đồng thời nghiên cứu, thừ nghiệm các loại thuốc, vaccine cho vật nuôi. Phẩm chẩt cẩn có cùa bác sĩ thú y là yêu động vật, cần thận, tì mỉ, khéo tay.  2. Kĩ sư chăn nuôi  Kĩ sư chan nuôi lã những người lãm nhiệm vụ chọn và nhản giống vật nuôi; chề biến thức ăn, chăm sóc, phòng bệnh cho vật nuôi  Phầm chất cẩn có của kĩ sư chân nuôi lã yêu động vật, thích nghiên cứu khoa học, thích châm sóc vật nuôi. |
| **Hoạt động 2.5. Một số biện pháp bảo vệ môi trường trong chăn nuôi** | |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia HS thành các nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận:  *+* *Quan sát Hình 9.*7 *và nêu những biện phảp phố biển trong xừ li chất thài chăn nuôi.*  **\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc SGK, quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi.  - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung (nếu có).  **\* Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá.*  - GV nhận xét và chốt nội dung kiến thức | **V. Một số biện pháp bâo vệ môi trường trong chăn nuôi**  1.Vệ sinh khu vực chuồng trại  Thường xuyên vệ sinh chuồng nuôi và khu vực xung quanh, giữ cho chuồng nuôi luôn sạch, khô ráo, đù ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông.  2. Thu gom và xừ lí chất thài chăn nuôi  Chất thải chan nuôi bao gồm phân, nưởc tiều, xác vật nuôi chết, nưởc thải,... Nếu chất thải khổng được thu gom vã xử li đủng cách sẽ gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sửc khoẻ con người và vật nuôi.  Chất thải chăn nuôi phài được thu gom triệt đẻ càng sớm câng tốt, bảo quàn và lưu trữ đúng nơi quy định, không đề chúng phát tán ra môi trường. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:**Củng cố lại kiến thức đã học thông qua trả lời câu hỏi.

**b) Nội dung:**HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm học tập:**Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân sau đó thảo luận nhóm 2 làm các bài tập 1, 2, 3, 4.  ***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên.  ***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***  GV gọi ngẫu nhiên 3 HS lần lượt trình bày ý kiến cá nhân.  ***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  GV nhấn mạnh nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy trên bảng. |  |

**Đáp án.**

**Bài 1.**

- Chăn nuôi và trồng trọt có mối quan hệ, tác động qua lại lần nhau. Chăn nuôi cung cấp nguồn phân bón và sức kéo cho trồng trọt. Ngược lại, trồng trọt cung cấp nguồn thức ăn chủ yếu cho ngành chăn nuôi.  
- Chăn nuôi và trồng trọt đều là một trong những ngành sản xuất chính của nước ta  
- Trồng trọt cung cấp thức ăn cho chăn nuôi  
- Chăn nuôi cung cấp sức kéo cho trồng trọt.

**Bài 2.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Vật nuôi | | Vai trò |
| Gia súc | Bò sữa | Cung cấp thực phẩm (thịt, sữa) và xuất khẩu |
| Trâu | Cung cấp thực phẩm và sức kéo. |
| Chó | Giữ nhà, làm cảnh; làm bạn, cung cấp thực phẩm |
| Gia cầm | Gà | Cung cấp thực phẩm (thịt, trứng); lấy lông chế biến các sản phẩm tiêu dùng khác; phương tiện báo thức ở nông thôn; làm cảnh; đá gà; |
| Vịt | Cung cấp thịt, trứng, lông; một số loài phục vụ xiếc/ |
| Ngỗng | Cung cấp thịt, trứng, lông, ngoài ra còn canh gác, giữ nhà. |

**Bài 3.**

Theo em ý kiến trên đúng. Vì chất thải chăn nuôi có thể được tái sử dụng gom lại phục vụ nông nghiệp và nhu cầu của từng địa phương.

**Bài 4.**

- Các biện pháp nên làm:

6. Thường xuyên vệ sinh chuồng nuôi sạch sẽ

7. Thu gom chất thải triệt để và sớm nhất có thể

9. Thu phân để ủ làm bón phân hữu cơ

10. Xây hầm biogas để xử lí chất thải cho trại chăn nuôi

- Các biện pháp không nên làm:

1. Thả rông vật nuôi, cho vật nuôi đi vệ sinh bừa bãi.

2. Nuôi vật nuôi dưới gầm nhà sàn hay quá gần nơi ở

3. Chuồng nuôi cạnh đường giao thông, chợ hay khu công cộng để thuận tiện cho việc vận chuyển.

4. Xả thẳng chất thải chăn nuôi ra ao, hồ, sông , suối..

5. Vứt rác vật nuôi chết xuống ao, hồ, sông, suối,..

8. Cho người lạ, chó, mèo,, tự do ra vào khu chăn nuôi

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:**

- Phát triển năng lực tự học và năng lực tìm hiểu đời sống.

**b) Nội dung:**

- HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, liên hệ thực tế, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

**c)****Sản phẩm:**

- HS chế tạo được kính lúp bằng vỏ chai nhựa

**d)****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân làm bài tập 1 vào vở bài tập  Quan sát hoạt động chàn nuôi ờ gia đinh và địa phương em, tim ra những hoạt động chưa hợp li và đề xuất các biện pháp khắc phục đề bào vệ môi trường.  ***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên.  ***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***  GV gọi ngẫu nhiên 1 đến 2 HS lần lượt trình bày bài làm của mình vào tiết học sau.  ***\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  GV nhấn mạnh nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy trên bảng. |  |

-------------------------------------------------

|  |  |
| --- | --- |
| **BAN GIÁM HIỆU KÝ** | **GIÁO VIÊN** |